

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM SÓC TRĂNG
KHOA XÃ HỘI
□□□0□□□

TIỂU LUẬN
ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NAY

GVHD: Đỗ Minh Nhựt

Sinh viên thực hiện (Nhóm 9-TVTT 14)

1. Triệu Kim Duy
2. Diệp Minh Thuận
3. Thạch Minh Thành
4. Lý Thị Phương Thúy
5. Lý Thol

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
PHẦN NỘI DUNG	5
CHƯƠNG 1: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI (1975-1985)	5
1.1. Tình hình nước ta thời kì trước đổi mới	5
1.2. Tình hình thế giới	5
1.3. Chủ trương Đường lối đối ngoại của Đảng	6
1.4. Kết quả của việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước ta	7
CHƯƠNG 2: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1986 - NAY)	9
2.1. Tình hình nước ta và thế giới thời kì đổi mới	9
2.2. Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng ta	11
2.3. Đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề đối ngoại	13
2.4. Kết quả của việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước ta sau 25 năm thực hiện đường lối của Đảng	17
KẾT LUẬN.	22
Tài liệu tham khảo	23

PHẦN MỞ ĐẦU

Thế giới trong thế kỷ XXI tiếp tục chứng kiến nhiều biến đổi phức tạp và khó lường. Toàn cầu hoá tiếp tục phát triển sâu rộng và tác động tới tất cả các nước. Các quốc gia lớn nhỏ đang tham gia ngày càng tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất và hình thức ngày càng đa dạng và phức tạp.

Thế kỷ XXI đang mở ra những cơ hội to lớn nhưng cũng chưa đựng rất nhiều thách thức. Sau gần hai thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh lên nhiều. Chúng ta có lợi thế rất lớn là tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định. Môi trường hoà bình, sự hợp tác, liên kết quốc tế và những xu thế tích cực trên thế giới tiếp tục tạo điều kiện để Việt Nam phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực. Tuy nhiên, chúng ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Nhằm phát huy những thành tựu to lớn đã đạt được trong gần hai thập kỷ tiến hành công cuộc Đổi mới và vươn tới mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm: Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

Với nhận thức sâu sắc rằng thế giới hiện nay đang phải đối phó với những vấn đề toàn cầu mà không một nước nào có thể tự đứng ra giải quyết được, Việt Nam đã và đang hợp tác chặt chẽ với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực để cùng nhau giải quyết những thách thức chung như dịch bệnh truyền nhiễm, đói nghèo, tội phạm xuyên quốc gia, ô nhiễm môi trường, buôn lậu ma túy, ... Những nỗ lực này của Việt Nam thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm của mình đối

với bạn bè ở khu vực và quốc tế, góp phần vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, ổn định và phát triển. Việt Nam sẽ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

Chính vì những lý do trên nhóm chúng tôi quyết định nghiên cứu đề tài **“ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN TỪ SAU NĂM 1975 ĐẾN NAY”** để đưa ra cái nhìn và những nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng về ngoại giao sau 35 năm đất nước thống nhất.

Phần nội dung

**CHƯƠNG 1: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KÌ TRƯỚC ĐỔI MỚI
(1975 – 1985)**

1.1. Tình hình nước ta thời kì trước đổi mới:

Năm 1975 nước ta hoàn toàn giải phóng, tổ quốc hòa bình, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với khí thế của một dân tộc vừa giành được thắng lợi vĩ đại. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã đạt được một số thành tựu

quan trọng. Đây cũng chính là thuận lợi cơ bản của nước ta. Nhưng ngoài những mặt thuận lợi trên thì nước ta cũng đã gặp vô vàn khó khăn trong thời kì này. Chiến tranh vừa kết thúc cả dân tộc bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả nặng nề của hơn 30 năm chiến tranh. Cùng lúc này, chiến tranh biên giới Tây Nam với Campuchia, và cuộc chiến biên giới phía Bắc với Trung Quốc cũng làm suy giảm tiềm lực của đất nước. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch sử dụng những âm mưu thâm độc phá hoại nước ta. Đại hội Đảng lần V (3-1982) nhận định “Nước ta đang ở trong tình thế vừa có hòa bình vừa phải đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt”. Mặt khác do tư tưởng chủ quan, nóng vội, muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn đã dẫn đến những khó khăn về kinh tế xã hội. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh đã nói “Mười năm qua (1975-1985), chúng ta đã phạm nhiều sai lầm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo XHCN và quản lý kinh tế. Các giải pháp cụ thể về định mức giá và quản lý giá, về đổi tiền và bước đi trong việc điều chỉnh giá - lương - tiền được tiến hành thiếu sự chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế. Sai lầm trong lĩnh vực phân phối, lưu thông là sai lầm rất nghiêm trọng trong lãnh đạo và quản lý kinh tế năm năm qua (1980-1985)”

1.2. Tình hình thế giới:

Trong khi đó trên thế giới, sự tiến bộ nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đã thúc đẩy lực lượng sản xuất thế giới phát triển mạnh mẽ: Nhật Bản và Tây Âu vươn lên trở thành hai trung tâm lớn của kinh tế thế giới; xu thế chạy đua phát triển kinh tế đã dẫn đến cục diện hòa hoãn của các nước lớn. Với thắng lợi của cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã mở rộng phạm vi, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh. Đảng ta nhận định: Hệ thống nước xã hội chủ nghĩa đã và đang lớn mạnh không ngừng; phong trào độc lập dân tộc và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân đang trên đà phát triển mạnh. Tuy nhiên, đến giữa thập kỉ 70, tình hình kinh tế - xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện sự trì trệ và mất ổn định. Trong các nước xã hội chủ nghĩa cũng xuất hiện những mâu thuẫn bất đồng. Tình hình Đông Nam Á cũng đã có những chuyển biến mới. Sau năm

1975, Mỹ đã rút quân khỏi Đông Nam Á lục địa: khối quân sự SEATO tan rã; ngày 24 – 2 – 1976, các nước ASEAN ký hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (gọi tắt là hiệp ước Bali), mở ra cục diện hòa bình hợp tác trong khu vực.

1.3. Chủ trương đường lối đối ngoại của Đảng:

Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976), Đảng ta xác định nhiệm vụ đối ngoại là “ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để nhanh chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật, củng cố quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Trong quan hệ với các nước, Đại hội IV chủ trương củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ và quan hệ hợp tác với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa; bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia; sẵn sàng thiết lập, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực; thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa Việt Nam với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Từ giữa năm 1978, Đảng ta đã điều chỉnh một số chủ trương, chính sách đối ngoại như: Chú trọng củng cố tăng cường hợp tác về mọi mặt với Liên Xô, coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam ; nhấn mạnh yêu cầu ra sức bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Việt – Lào trong bối cảnh vấn đề Campuchia đang diễn biến phức tạp; chủ trương góp phần xây dựng khu vực Đông Nam Á hòa bình tự do, trung lập ổn định; đề ra yêu cầu mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982), Đảng ta xác định: Công tác đối ngoại phải trở thành một mặt trận chủ động, tích cực trong đấu tranh nhằm làm thất bại chính sách của các thế lực hiếu chiến mưu toan chống phá cách mạng nước ta.

Về quan hệ với các nước, Đảng tiếp tục nhấn mạnh đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô là nguyên tắc, là chiến lược và luôn là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam; xác định quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào – Campuchia có ý nghĩa sống còn đối với vận mệnh của ba dân tộc; kêu gọi các nước ASEAN hãy cùng các nước Đông Dương đối thoại và thương lượng để giải quyết các trở ngại giữa hai bên, nhằm xây dựng Đông Nam Á thành khu vực

hòa bình và ổn định; chủ trương khôi phục quan hệ bình thường với Trung Quốc trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình; chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường về mặt nhà nước, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật. Với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị xã hội trên cơ sở tôn trọng, độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Trên thực tế cho thấy, ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn (1975-1986) là xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; củng cố và tăng cường đoàn kết hợp tác với Lào và Campuchia; mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước không liên kết và không phát triển; đấu tranh với sự bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch.

1.4. Kết quả của việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước ta

1.4.1. Kết quả và ý nghĩa:

Trong 10 năm trước đổi mới, quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa được tăng cường, trong đó đặc biệt là với Liên Xô. Ngày 29-6-1978, Việt Nam gia nhập hội đồng tương trợ kinh tế (khối SEV). Việc trợ hàng năm và kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khối SEV đều tăng (riêng ngoại thương chiếm 70 đến 80% kim ngạch buôn bán của Việt Nam). Ngày 31-11-1978, Việt Nam ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô. Thực hiện chủ trương mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế, từ năm 1975 đến năm 1977, nước ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 23 nước; ngày 15-9-1976, Việt Nam tiếp nhận ghế thành viên chính thức quỹ tiền tệ quốc tế (IMF); ngày 21-9-1976 tiếp nhận ghế thành viên chính thức ngân hàng thế giới (WB)); ngày 23-9-1976 gia nhập ngân hàng châu Á (ADB)); ngày 20-9-1977 tiếp nhận ghế thành viên Liên hợp quốc; tham gia tích cực các hoạt động phong trào không liên kết... kể từ năm 1977, một số nước tư bản mở quan hệ hợp tác kinh tế với Việt Nam. Với các nước khác thuộc khu vực Đông Nam Á, cuối năm 1976, Philippin và Thái Lan là nước cuối cùng trong tổ chức ASEAN thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam (tuy nhiên, từ năm 1979, lấy cớ sự kiện Campuchia, các nước ASEAN tham gia liên minh thực hiện bao vây cô lập Việt Nam). Những kết quả đối ngoại trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Sự tăng cường

hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế kể cả với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã tranh thủ được nguồn viện trợ đáng kể góp phần vào việc khôi phục đất nước sau chiến tranh; Việc trở thành thành viên chính thức của quỹ tiền tệ quốc tế, ngân hàng thế giới, ngân hàng phát triển Châu Á và trở thành thành viên chính thức của Liên Hợp Quốc, tham gia tích cực vào các hoạt động của phong trào không liên kết, đã tranh thủ được sự ủng hộ, hợp tác của các nước, các tổ chức quốc tế, đồng thời phát huy được vai trò của nước ta trên trường quốc tế. Về việc thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước còn lại trong tổ chức ASEAN đã tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động đối ngoại trong giai đoạn sau nhằm xây dựng Đông Nam Á trở thành khu vực hòa bình hữu nghị và hợp tác)

1.4.2. Hạn chế và nguyên nhân:

Bên cạnh những kết quả đạt được ở trên, nhìn tổng quát, từ năm 1975 đến năm 1986, quan hệ quốc tế của Việt Nam cũng gặp những trở ngại lớn. Từ những năm cuối của thập kỉ 70, nước ta bị bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, vừa phải đương đầu với “một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt” của các thế lực thù địch. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên là do trong quan hệ đối ngoại giai đoạn này, chúng ta chưa nắm bắt được xu thế quốc tế chuyển từ đối đầu sang hòa hoãn và chạy đua kinh tế. Do đó đã không tranh thủ được các nhân tố thuận lợi trong quan hệ quốc tế phục vụ cho công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh; không kịp thời đổi mới quan hệ đối ngoại cho phù hợp với tình hình. Những hạn chế của đối ngoại Việt Nam giai đoạn này suy cho cùng đều xuất phát từ nguyên nhân cơ bản được Đại hội Đảng lần thứ VI chỉ ra “là bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động đơn giản; nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan”.

CHƯƠNG 2: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM THỜI KÌ ĐỔI MỚI (1986 ĐẾN NAY)

2.1. Tình hình nước ta và thế giới thời kì đổi mới:

Từ giữa thập kỷ 80, cuộc cách mạng khoa học công nghệ (đặc biệt là công nghệ thông tin) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia dân tộc. Các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Đến đầu thập kỷ 90, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế. Trật tự thế giới được hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ hai trên cơ sở hai khối độc lập do Liên Xô và Hoa kỳ đứng đầu (trật tự thế giới hai cực) tan rã, mở ra hình thành một trật tự thế giới mới. Trong thời kỳ này, những cuộc chiến tranh cục bộ xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế của thế giới là hòa bình hợp tác và phát triển. Trước diễn biến mới của tình hình thế giới, các quốc gia, các tổ chức và lực lượng chính trị quốc tế thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với nhu cầu nhiệm vụ bên trong và xu hướng phát triển của thế giới. Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đã đổi mới tư duy đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế; mở rộng và tăng cường liên kết, hợp tác với các nước phát triển để tranh thủ vốn, kỹ thuật, công nghệ, mở rộng thị trường, học tập kinh nghiệm tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh. Các nước cũng đổi mới tư duy về quan niệm sức mạnh, vị thế quốc gia. Thay thế cách đánh giá cũ, chủ yếu dựa vào sức mạnh quân sự bằng các tiêu chí tổng hợp, trong đó sức mạnh kinh tế và khoa học công nghệ được đặt ở vị trí quan trọng hàng đầu. Xu thế toàn cầu hóa và tác động của nó: Dưới góc độ kinh tế, toàn cầu hóa là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan tỏa ra phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hóa, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; sự phân công lao động mang tính quốc tế. Những tác động tích cực của toàn cầu hóa là: Trên cơ sở thị trường được mở rộng, trao đổi hàng hóa tăng mạnh đã thúc đẩy phát triển sản xuất nhà nước; nguồn vốn, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản

lý cùng các hình thức đầu tư, hợp tác khác mang lại lợi ích cho các bên hợp tác. Mặt khác toàn cầu hóa làm tăng tính tùy thuộc lẫn nhau, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, thuận lợi cho việc xây dựng môi trường hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước. Những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa là: Xuất phát từ việc các nước công nghiệp phát triển thao túng, chi phối quá trình toàn cầu hóa tạo nên sự bình đẳng trong quan hệ quốc tế và làm tăng sự phân cực giữa nước giàu và nước nghèo. Đại hội Đảng lần thứ IX chỉ rõ: “Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh.” Thực tế cho thấy rằng, các nước muốn tránh khỏi nguy cơ bị biệt lập, tụt hậu, kém phát triển thì phải tích cực, chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, đồng thời phải có bản lĩnh cân nhắc một cách cẩn trọng các yếu tố bất lợi để vượt qua. Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương: Từ thập kỷ 90, tình hình khu vực có những chuyển biến mới: Trước hết, trong khu vực vẫn tồn tại những bất ổn, như vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp lãnh hải thuộc vùng biển Đông và việc các nước tăng cường vũ trang, nhưng Châu Á – Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; hai là, Châu Á – Thái Bình Dương có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế. Xu thế hòa bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh. Tại Việt Nam Sự bao vây, chống phá của các thế lực thù địch đối với Việt Nam từ nửa cuối thập kỷ 70 tạo nên tình trạng căng thẳng, mất ổn định trong khu vực và gây khó khăn, cản trở cho sự phát triển của các mạng Việt Nam, là một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng ở nước ta. Vì vậy, vấn đề giải tỏa tình trạng đối đầu, thù địch, phá thế bị bao vây, cấm vận, tiến tới bình thường hóa và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung xây dựng kinh tế là nhu cầu cần thiết và cấp bách đối với nước ta. Ở trong nước, do hậu quả nặng nề của chiến tranh và các khuyết điểm chủ quan khác, nền kinh tế Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới là một trong những thách thức lớn đối với cách mạng Việt Nam. Vì vậy, nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế đặt ra gay gắt để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với

các quốc gia khác, ngoài việc phát huy tối đa các nguồn lực trong nước; còn phải tranh thủ các nguồn lực bên ngoài, trong đó hợp tác kinh tế với các nước và tham gia vào cơ chế hợp tác đa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng ta được đánh dấu bởi các mốc lớn như sau:

Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 5-1988 là mốc khởi đầu của quá trình đổi mới tư duy, nhận thức và đường lối đối ngoại của Đảng ta. Nghị quyết nhận định rằng, tình trạng kinh tế yếu kém, tình thế bị bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị sẽ thành nguy cơ lớn đối với an ninh và độc lập dân tộc. Từ đó, đề ra nhiệm vụ ra sức tranh thủ các nước anh em, bè bạn và dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa hàng ngũ đối phương, làm thất bại âm mưu cô lập ta về kinh tế và chính trị; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình; ra sức lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và xu thế quốc tế hóa cao của kinh tế thế giới, đồng thời tranh thủ vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế.

Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), Hội nghị Trung ương 7 (tháng 8-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (tháng 3-1990) của khóa VI với "các nguyên tắc cơ bản cần được quán triệt trong quá trình đổi mới" và các nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay", "Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta" đã tập trung đánh giá tình hình thế giới liên quan đến những biến động xảy ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, đề ra các quyết sách đối phó với những tác động phức tạp từ diễn biến của tình hình thế giới đối với nước ta và công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (tháng 6-1992) đã ra Nghị quyết chuyên đề về công tác đối ngoại. Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ công tác đối ngoại, tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại, các phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế; đề ra chủ trương mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa..., trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ và các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng

có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc... Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII là văn kiện đánh dấu sự hình thành đường lối đối ngoại của Đảng ta cho thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) và Đại hội VIII (tháng 6-1996) của Đảng ta đã chính thức khẳng định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) khẳng định Đảng và Nhà nước ta tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại đó với một tinh thần mạnh mẽ hơn và một tâm thế chủ động hơn bằng tuyên bố "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Hội nghị Trung ương 8, khóa IX (tháng 7-2003) đã ra Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó đề cập nhiều nội dung hết sức quan trọng về đối ngoại, đặc biệt là ba vấn đề: về các mâu thuẫn của thế giới hiện nay; về lợi ích của Việt Nam; về đối tượng, đối tác. Cần nhấn mạnh vấn đề cốt lõi trong mọi hoạt động đối ngoại là phải tìm cách thực hiện tối đa lợi ích của đất nước. Do đó, việc nhận thức thật rõ lợi ích của đất nước ta, dân tộc ta là điều vô cùng quan trọng. Hội nghị Trung ương 8, khóa IX đã khẳng định một lần nữa: "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia", "kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc". Hội nghị cũng đã nhấn mạnh cách nhìn biện chứng về đối tượng, đối tác: "trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cạnh tranh thù, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta", làm cơ sở mở rộng và phát triển các mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh với các chủ thể quan hệ quốc tế.

Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) đã khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực".

2.3. Đường lối của đảng cộng sản Việt Nam về vấn đề đối ngoại:

Từ năm 1991 đến nay, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam diễn ra cùng một lúc trên 4 mặt :

Một là, tạo dựng và củng cố môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc củng cố và thúc đẩy các mối quan hệ song phương, nhất là quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng này. Nhận thức rõ điều đó, hoạt động đối ngoại đã tập trung giải quyết vấn đề Campuchia và bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc. Đồng thời triển khai mạnh mẽ các hoạt động ngoại giao song phương cấp cao với các nước ASEAN, chủ động tham gia các hoạt động của Hiệp hội và năm 1995, Việt Nam chính thức tham gia ASEAN. Việc Việt Nam gia nhập ASEAN là một quyết định đúng đắn và kịp thời. Cùng với việc giải quyết hòa bình vấn đề Campuchia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, nối lại quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, ký Hiệp định khung với Liên minh châu Âu, bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ, củng cố và mở rộng quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển ở châu Á, Trung Đông, châu Phi, Mỹ La-tinh và các nước công nghiệp phát triển trên thế giới... việc Việt Nam gia nhập ASEAN góp phần phá thế bị bao vây, cô lập, tạo ra môi trường hòa bình, ổn định và thuận lợi hơn cho sự nghiệp xây dựng đất nước, đưa Việt Nam hội nhập về kinh tế với khu vực và quốc tế. Mặt khác, để góp phần bảo đảm an ninh và ổn định cho đất nước, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã góp phần chủ động và tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại với các nước láng giềng và các nước ở khu vực như đàm phán và ký Hiệp định biên giới với Lào, thỏa thuận về khai thác chung với Ma-lai-xi-a trên vùng chồng lấn, phân định

vùng chồng lấn với Thái Lan, đàm phán và ký Hiệp định về biên giới trên bộ với Trung Quốc và đang đàm phán để có thể ký Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc trong năm 2000, tiếp tục đàm phán với In-đô-nê-xi-a về phân định thêm lục địa, tiếp tục đàm phán với Campuchia để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng về biên giới lãnh thổ. Hoạt động đối ngoại cũng đã góp phần kiên quyết đấu tranh chống âm mưu và hành động lợi dụng chiêu bài "nhân quyền", "dân chủ" và "tự do tín ngưỡng" để can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam. Toàn bộ các hoạt động trên đã góp phần quan trọng và thiết thực vào việc tạo dựng môi trường khu vực tương đối ổn định và thuận lợi cho đất nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi góp phần vào công cuộc phát triển đất nước, mở rộng hợp tác kinh tế. Đây là một nhiệm vụ trọng tâm của ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới. Nhờ những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới và chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, Việt Nam đã làm thất bại chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và đồng minh, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại song phương với hơn 130 nước và lãnh thổ, đón nhận nguồn đầu tư trên 36 tỷ USD của hơn 60 nước và lãnh thổ, tranh thủ hơn 13 tỷ USD từ nguồn viện trợ ưu đãi chính thức của các chính phủ và các tổ chức quốc tế và hàng tỷ USD viện trợ không hoàn lại của nhiều chính phủ và các tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ. Việc tạo dựng môi trường quốc tế hòa bình, tăng cường hợp tác, mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước cũng là sự đóng góp trực tiếp và thiết thực cho yêu cầu bảo đảm an ninh. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất phát triển nhanh và quốc tế hóa cao độ, đẩy nhanh xu thế toàn cầu hóa. Trong bối cảnh đó, các nước đều tìm cách giành cho mình một vị thế xứng đáng trong phân công lao động quốc tế, tranh thủ vốn, công nghệ, kỹ năng quản lý để phát triển, đấu tranh để bảo vệ lợi ích của mình. Nhận rõ xu thế đó, Việt Nam đã đề ra chủ trương hội nhập và kiên trì thực hiện chủ trương đó. Đại hội lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định "đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới". Từ

đầu những năm 90 Việt Nam đã khai thông quan hệ với các tổ chức tài chính quốc tế, tiếp đó năm 1995 chính thức gia nhập ASEAN và tham gia AFTA. Năm 1996 Việt Nam tham gia Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) với tư cách là thành viên sáng lập và năm 1998 trở thành thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Việt Nam cũng đã đàm phán và ký Hiệp định Thương mại với Mỹ và đang đàm phán về việc gia nhập WTO, mức hội nhập cao nhất, rộng nhất, có ý nghĩa quan trọng đối với việc thiết lập môi trường buôn bán và quan hệ hợp tác kinh tế với toàn bộ thế giới.

Ba là, nâng cao vị thế nước nhà trên trường quốc tế. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đến nay Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước thuộc tất cả các châu lục và lần đầu tiên trong lịch sử có quan hệ bình thường với tất cả các nước lớn, các ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Trong điều kiện quốc tế ngày nay khi quá trình hội nhập ngày càng được xúc tiến nhanh, ngoại giao đa phương ngày càng giữ một vị trí quan trọng, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của đất nước trên thế giới. Việt Nam đã hoạt động tích cực với vai trò ngày càng tăng tại Liên hợp quốc (ủy viên ECOSOC, ủy viên Hội đồng chấp hành UNDP, UNFPA và UPU...), phát huy vai trò thành viên tích cực của phong trào Không liên kết, Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp, ASEAN ... Việc Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp năm 1997 và đặc biệt là Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 năm 1998 đã góp phần quan trọng nâng cao uy tín và vị thế của đất nước. Có thể nói ngoại giao đa phương là một điểm sáng trong hoạt động ngoại giao thời đổi mới. Những kết quả đạt được trong mối quan hệ đan xen này đã củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tạo ra thể cơ động linh hoạt trong quan hệ quốc tế, có lợi cho việc bảo vệ độc lập tự chủ và an ninh cũng như công cuộc xây dựng đất nước.

Bốn là, chủ động tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Các hoạt động đối ngoại phong phú, đa dạng cả theo đường Đảng lẫn Nhà nước và các hoạt động quốc tế nhân dân đã góp phần duy trì và củng cố quan hệ đoàn kết hữu nghị với các đảng phái chính trị, trước hết là các Đảng cộng sản và công nhân, các tổ

chức tiến bộ đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, từ đó tranh thủ sự hỗ trợ về chính trị có lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã nêu: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi. củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền. Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội. Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế

đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tới đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn. Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài. Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

2.4. Kết quả của việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước ta sau 25 năm thực hiện đường lối của Đảng

2.4.1. Kết quả và ý nghĩa:

Các hoạt động đối ngoại đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, đưa đất nước vượt qua những thách thức và đi vào giai đoạn phát triển mới; vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Từ chỗ bị bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, đến nay nước ta đã phát triển quan hệ đa phương, đa dạng với các chủ thể quan hệ quốc tế. Tính đến thời điểm này, Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 169 nước, quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với 165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Nước ta hiện là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và khu vực. Đảng ta có quan hệ ở các mức độ khác nhau với trên 200 chính đảng ở các nước trên khắp các châu lục. Các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta có quan hệ với hàng trăm tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế. Trong hai thập kỷ qua, thông qua đàm phán hòa bình, ta đã giải quyết được một số vấn đề do lịch sử để lại về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với các nước liên quan, phấn đấu xây dựng đường biên giới trên đất liền và trên biển thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Nước ta đã ký kết Hiệp ước phân định biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định về hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; đã ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 với Cam-pu-chia; đã ký kết các hiệp định về phân định thêm lục địa, phân định vùng chồng lấn trên biển với Ma-lai-xi-a, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Việt Nam cùng các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), thúc đẩy việc giải quyết hòa bình các tranh chấp chủ quyền biển đảo ở biển Đông. Việt Nam đã tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cánh tả, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; góp phần tích cực vào sự hồi phục của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào việc củng cố phong trào Không liên kết, vào cuộc đấu

tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội. Đường lối chính trị của Đảng ta và những thành tựu đổi mới của Việt Nam được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Nhiều đảng cộng sản và công nhân trên thế giới cho rằng, đổi mới của Việt Nam là sự phát triển sáng tạo và đóng góp về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, các hoạt động đối ngoại của Đảng, của các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta đã góp phần làm cho dư luận thế giới hiểu đúng về Việt Nam, đồng tình và ủng hộ công cuộc đổi mới, tăng cường hậu thuẫn chính trị quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hóa. Chúng ta tích cực tham gia hình thành các khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA), giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA), xây dựng quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản... Ta đã kết thúc đàm phán song phương với 28 nước và đang hoàn tất quá trình đàm phán đa phương để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong năm 2006. Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đã có mặt trên 200 thị trường quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong vòng hai thập kỷ qua, từ một nước nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Trong giai đoạn từ năm 1993 - 2004, Việt Nam đã nhận được cam kết tài trợ hơn 20 tỉ USD từ cộng đồng quốc tế, trong đó 85% là vốn vay ưu đãi, còn lại là viện trợ không hoàn lại. Riêng năm 2005, cam kết tài trợ vốn ODA cho Việt Nam là 3,4 tỉ USD. Với sự ổn định về chính trị - xã hội, truyền thống văn hóa, sự phát triển kinh tế năng động và chính sách đối ngoại rộng mở, môi trường đầu tư thông thoáng, Việt Nam ngày càng trở thành một điểm đến an toàn và hấp dẫn cho hợp tác và đầu tư quốc tế. Tính đến hết tháng 7-2005, đã có hơn 5.500 dự án đầu tư nước ngoài từ 64 nước và vùng lãnh thổ đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 48,7 tỉ USD, trong đó số vốn thực hiện đạt gần 29 tỉ USD. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, đóng góp gần 15% GDP và 4,9% tổng thu ngân sách nhà nước, chiếm trên 30% tổng kim ngạch xuất khẩu, tạo ra hàng vạn công ăn việc làm. Việt Nam đã được các nước ủng hộ đăng cai tổ chức và đã tổ chức thành công Hội nghị Thượng

đỉnh Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998, Hội thảo quốc tế về hợp tác và phát triển Việt Nam và châu Phi năm 2003, Hội nghị cấp cao ASEM-5 năm 2004. Qua các hội nghị cấp cao này, Việt Nam đã để lại dấu ấn của mình trong đời sống chính trị quốc tế đương đại. Việt Nam đang phối hợp chặt chẽ với các nền kinh tế thành viên APEC và tích cực chuẩn bị để tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh APEC tại Hà Nội vào tháng 11-2006. Các mặt công tác thông tin đối ngoại, công tác đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đã có bước trưởng thành nhất định, triển khai thực hiện có kết quả đường lối và các chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng. Thực tiễn hoạt động đối ngoại của ta trong 20 năm đổi mới đã khẳng định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Đảng ta là đúng đắn. Chúng ta kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đó. Theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội X của Đảng, công tác đối ngoại trong thời gian tới bám sát những định hướng lớn như sau:

- Tiếp tục mở rộng và phát triển các mối quan hệ đối ngoại của ta đi vào chiều sâu, ngày càng ổn định và bền vững. Đặc biệt coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các nước láng giềng có chung biên giới, các nước Đông - Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Thúc đẩy quan hệ hợp tác ổn định lâu dài với các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị của thế giới. Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ La-tinh, các nước trong phong trào Không liên kết... Tích cực hoạt động tại các tổ chức quốc tế và khu vực. Không ngừng phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và các đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng có chung biên giới. Tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, đảng cánh tả, phong trào cách mạng và tiên bộ có nhiều ảnh hưởng ở các khu vực trên thế giới. Mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền, đảng tham chính ở các nước trong khu vực và các nước có quan hệ đối tác quan trọng với nước ta. Tăng cường quan hệ với các chính đảng khác có quan hệ với Đảng ta và hữu nghị với Việt Nam. Phát triển quan hệ với các đoàn

thể, các tổ chức nhân dân ở các nước láng giềng có chung biên giới, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước trong khu vực và các nước lớn. Tích cực hoạt động tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng mà các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta là thành viên. Chủ động tham gia tích cực các phong trào, diễn đàn quốc tế của nhân dân thế giới chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống các mặt trái của toàn cầu hóa, chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, vì hòa bình, công lý, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội. Mở rộng quan hệ với các tổ chức nhân dân các nước, các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế...

- Tiếp tục thúc đẩy giải quyết bằng thương lượng hòa bình những vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan; phấn đấu xây dựng đường biên giới trên đất liền và trên biển với các nước láng giềng thành đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đưa ra định hướng về công tác ngoại giao trong giai đoạn mới:

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng cánh tả, đảng cầm quyền và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

- Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

- Phần đầu cùng các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân:

Bên cạnh những thành công đã đạt được thì quá trình thực hiện đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế cũng bộc lộ những hạn chế: Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn, chúng ta còn lúng túng bị động. Chưa xây dựng quan hệ lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước. Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh; không đồng bộ gây khó khăn cho việc thực hiện các cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế. Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết. Doanh nghiệp nước ta hầu hết quy mô nhỏ, yếu kém cả về quản lý và công nghệ; trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, trình độ trang thiết bị lạc hậu; kết cấu hạ tầng và các ngành dịch vụ cơ bản phục vụ sản xuất kinh doanh đều kém phát triển và có chi phí cao hơn các nước khác trong khu vực. Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại nhìn chung chưa đáp ứng được cả nhu cầu cả về số lượng; cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế, về kỹ thuật kinh doanh; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.

KẾT LUẬN

Sau 25 năm đổi mới, ngoại giao Việt Nam đã đạt được những thành tích to lớn. Tuy nhiên, cũng còn nhiều việc phải làm và nhiều thiếu sót cần khắc phục: Chúng ta vẫn còn chậm trong việc xác định khâu đột phá tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ hợp tác với một số đối tác quan trọng hàng đầu. Trong một số vấn đề đối ngoại phức tạp tồn tại lâu nay và trong hoạt động ngoại giao đa phương, chúng ta chưa thật chủ động tìm ra phương cách ứng xử thích hợp. Quá

trình hội nhập quốc tế vẫn còn chậm. Công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về đối ngoại, nghiên cứu cơ bản và dự báo về tình hình thế giới, khu vực, về đối tác cần được tăng cường hơn nữa cả về mức độ cũng như chất lượng, xử lý nhanh nhạy các vấn đề mới nảy sinh có lợi nhất cho đất nước. Cần chú ý hơn nữa khâu quản lý thống nhất công tác đối ngoại, tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa ngoại giao, kinh tế, quốc phòng; giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Cần thống nhất quản lý công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và kiện toàn hơn nữa sự chỉ đạo thống nhất công tác giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và Bộ Ngoại giao và Ban Đối ngoại Trung ương. Cần tích cực triển khai nghị quyết Đại hội X của Đảng, hoạt động đối ngoại trong thời gian tới, tiếp tục phát huy tính nhạy bén và tinh táo trong nhận thức và đối sách, vừa linh hoạt, vừa kiên định đối với các vấn đề mới nảy sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới, góp phần nâng cao hơn nữa vị thế quốc tế của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam <http://www.cpv.org.vn/cpv/>
2. Tạp chí Cộng sản tháng 9/2006
3. Văn kiện đại hội Đảng lần IV
4. Văn kiện đại hội Đảng lần V
5. Văn kiện đại hội Đảng lần IX
6. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng
7. Báo Nhân Dân, ngày 19-4-2006, tr.3
8. Trang chủ Bộ Ngoại giao: <http://www.mofa.gov.vn>
9. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI